

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**KHOA LUẬT**  
**-----o0o-----**

**HOÀNG TÙNG**

**THÁCH THỨC DO CẮT GIẢM THUẾ QUAN**  
**KHI VIỆT NAM THAM GIA TỔ CHỨC**  
**THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI**

*Chuyên ngành* : Luật Quốc Tế

*Mô số* : 60 38 60

**LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

*Người hướng dẫn khoa học*: TS. Nguyễn Toàn Thắng

**HÀ NỘI - 2012**

## MỤC LỤC

*Trang bìa phụ*

*Lời cam đoan*

*Mục lục*

*Danh mục các bảng, biểu đồ*

*Danh mục các chữ viết tắt*

	Trang
<b>Mở đầu</b>	1
<b>CHƯƠNG 1: CÁC QUY ĐỊNH VỀ THUẾ QUAN CỦA WTO VÀ CAM KẾT GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM</b>	5
<b>1. Những khái niệm cơ bản về thuế quan của WTO</b>	5
1.1. Thuế quan và các phí khác	5
1.2. Các dạng thuế quan	6
1.3. Hệ thống phân loại thuế quan	7
1.4. Định giá hải quan	8
1.5. Mục đích của thuế quan	8
1.6 Ràng buộc thuế quan	10
<b>2. Đàm phán thuế quan trong WTO</b>	12
2.1. Các danh mục thuế quan	12
2.2. Đàm phán thuế quan truyền thống	14
2.3. Đàm phán thuế quan hiện đại	15
2.4. Đàm phán gia nhập	17
2.5. Đàm phán lại các ưu đãi ràng buộc, tu chỉnh và rút bỏ	19
2.6. Tiếp cận song phương và nhiều bên trong đàm phán thuế quan đa phương	21
2.7. Đàm phán thuế quan giữa các nước đang phát triển	22
2.8. Sự khác nhau giữa biện pháp thuế quan và phi thuế quan	22

khi đàm phán thuế quan gia nhập WTO

### **3. Các nguyên tắc Việt nam phải tuân thủ trong đàm phán thuế quan để gia nhập WTO và các mục tiêu cụ thể của Việt Nam khi đàm phán thuế quan** 24

3.1. Nguyên tắc không phân biệt đối xử 24

3.2. Nguyên tắc tự do hóa thương mại thông qua đàm phán 27

3.3. Nguyên tắc dễ dự đoán nhờ cam kết, ràng buộc, ổn định và minh bạch 27

3.4. Tạo ra môi trường cạnh tranh ngày càng bình đẳng hơn 28

3.5. Khuyến khích phát triển và cải cách kinh tế bằng cách dành ưu đãi hơn cho các nước kém phát triển nhất 29

3.6 Các mục tiêu cụ thể khi đàm phán cắt giảm thuế quan để gia nhập WTO của Việt Nam 30

### **4. Các cam kết về cắt giảm thuế quan của Việt nam khi gia nhập WTO** 31

#### **4.1. Cam kết thuế quan trong lĩnh vực nông nghiệp** 31

4.1.1. Cam kết về thuế quan đối với sản phẩm lương thực 34

4.1.2. Cam kết về thuế quan đối với mặt hàng cây công nghiệp 35

4.1.3. Cam kết về thuế quan đối với sản phẩm chăn nuôi 37

#### **4.2. Cam kết thuế quan trong lĩnh vực công nghiệp** 41

4.2.1. Cam kết về thuế quan đối với sản phẩm ngành giấy 44

4.2.2. Cam kết về thuế quan đối với sản phẩm điện tử 46

4.2.3. Cam kết về thuế quan đối với hàng dệt may 49

## **CHƯƠNG 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT VỀ CẮT GIẢM THUẾ QUAN CỦA VIỆT NAM SAU KHI GIA NHẬP WTO** 53

### **1. Tình hình thực hiện các cam kết về cắt giảm thuế quan** 53

## **của Việt nam trong lĩnh vực nông nghiệp**

1.1. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan đối với sản phẩm lương thực 54

1.2. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan đối với mặt hàng cây công nghiệp 59

1.3. Tình hình thực hiện các cam kết về mức thuế quan đối với sản phẩm chăn nuôi 65

## **2. Tình hình thực hiện các cam kết về cắt giảm thuế quan của Việt nam trong lĩnh vực công nghiệp** 73

2.1. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan đối với sản phẩm ngành giấy 74

2.2. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan đối với sản phẩm điện tử 78

2.3. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan đối với hàng dệt may 83

## **CHƯƠNG 3: NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN CAM KẾT CẮT GIẢM THUẾ QUAN CỦA VIỆT NAM SAU KHI GIA NHẬP WTO VÀ CÁC KIẾN NGHỊ** 91

### **1. Những thành tựu đạt được và thách thức gặp phải trong thực hiện cam kết cắt giảm thuế quan** 91

1.1. Những mặt tích cực đã đạt được trong quá trình thực hiện các cam kết về cắt giảm thuế quan 91

1.2. Những thách thức gặp phải trong quá trình thực hiện cắt giảm thuế quan 93

1.3. Nguyên nhân của các mặt tồn đọng khi thực hiện cắt giảm thuế quan 96

<b>2. Những kiến nghị đối với quá trình thực hiện cam kết cắt giảm thuế quan của Việt nam sau khi gia nhập WTO</b>	98
2.1. Tiếp tục hoàn thiện thuế XNK theo lộ trình đã cam kết	98
2.2. Đổi mới các công cụ khác liên quan đến thuế XNK theo hướng giảm dần và minh bạch hóa	107
2.3. Cải tiến quy trình, chính sách thuế và các chính sách liên quan, bảo đảm các mục tiêu chính sách và đồng thuận trong thực hiện các cam kết với WTO về thuế	110
2.4. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy cán bộ trong các cơ quan liên quan đến việc thực hiện cam kết cắt giảm thuế	111
2.5. Tăng cường các biện pháp hỗ trợ quá trình cắt giảm thuế quan	112
2.6. Kiến nghị đối với các doanh nghiệp	115
<b>KẾT LUẬN</b>	117
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	120

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Tính đến tháng 03 năm 2012 Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đã có tổng cộng 154 thành viên, trong đó Việt nam là thành viên thứ 150 của tổ chức này vào ngày 11/01/2007. Giai đoạn từ 2007 đến 2020 sẽ là khoảng thời gian các tác động của việc gia nhập WTO đến nền kinh tế Việt Nam được thể hiện mạnh mẽ nhất.

Chính vì vậy, Việt Nam cần phải có các kế hoạch, chính sách, biện pháp thay đổi, cải cách hệ thống thuế để nhằm đáp ứng những yêu cầu của hội nhập WTO, đồng thời không thể thiếu những công trình khoa học nghiên cứu, đánh giá quá trình đã qua, đồng thời phân tích, dự báo triển vọng và các tác động của việc tiếp tục thực hiện các cam kết về cắt giảm thuế quan đến năm 2020, từ đó đưa ra các khuyến nghị, các giải pháp sao cho quá trình thực hiện đạt được các hiệu quả cao nhất.

Những phân tích trên đây cũng chính là lý do tác giả lựa chọn đề tài *“Thách thức do cắt giảm thuế quan khi Việt Nam tham gia Tổ chức thương mại thế giới”* làm đề tài nghiên cứu của mình.

### 2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trước khi Việt nam gia nhập WTO đã có rất nhiều các công trình nghiên cứu và các bài viết của các chuyên gia về kinh tế cũng như các chuyên gia liên quan đến việc gia nhập WTO của Việt, đáng chú ý là “Các vấn đề gia nhập tổ chức thương mại thế giới của Việt nam” Nxb Chính trị quốc gia, 2006, bên cạnh đó là những bài viết của các chuyên gia kinh tế như: Nguyên Bộ trưởng Bộ Thương Mại Trương Đình Tuyển, TS. Mạc Đăng Dung, Thứ trưởng Lương Văn Tự,... Luận văn này sẽ kế thừa các công trình nghiên cứu đi trước để đưa ra được cái nhìn tổng

thể về thách thức đối với vấn đề cam kết cắt giảm thuế quan của Việt nam khi gia nhập WTO.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài**

#### *3.1 Đối tượng nghiên cứu của luận văn là:*

- Các cam kết cắt giảm thuế quan của Việt Nam nói chung cũng như cam kết cắt giảm trong một số lĩnh vực cụ thể như: nông nghiệp, công nghiệp.
- Nghiên cứu quá trình thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan của Việt Nam từ sau khi gia nhập WTO đến năm 2012.
- Đánh giá quá trình thực hiện dựa trên những thành tựu đã đạt được và những mặt còn tồn đọng.

#### *3.2 Phạm vi nghiên cứu của luận văn là:*

Trong khuôn khổ luận văn thạc sĩ luật học, tác giả tập trung vào nghiên cứu một số lĩnh vực, ngành hàng chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của các cam kết về cắt giảm thuế quan. Qua đó thấy được những thành tựu đã đạt được, những mặt còn tồn tại, nguyên nhân của chúng để đưa ra các giải pháp, khuyến nghị cho việc thực hiện đạt được hiệu quả cao hơn.

### **4. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài:**

#### *4.1. Mục đích của việc nghiên cứu đề tài:*

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài này là đánh giá tác động của các cam kết cắt giảm thuế quan về hàng hóa của Việt nam khi gia nhập WTO bao gồm: Danh mục hàng hóa cam kết cắt giảm thuế quan, lộ trình thực hiện, mức thuế cắt giảm...

#### *4.2. Nhiệm vụ của đề tài*

- Nghiên cứu, tìm hiểu các cam kết về cắt giảm thuế quan
- Phân tích, đánh giá các tác động của cam kết thuế về hàng hóa đối với Việt nam sau 05 năm gia nhập WTO
- Đề xuất các biện pháp thực hiện cắt giảm một cách hiệu quả nhất

- So sánh với những thách thức của Trung Quốc trong lộ trình cắt giảm thuế quan khi nước này gia nhập WTO

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp định tính: phân tích báo cáo, nhận xét, bình luận...
- Phương pháp định lượng: thống kê kim ngạch, biểu đồ, sơ đồ....
- Phương pháp so sánh: so sánh tỉ lệ cắt giảm của từng năm.

### **6. Ý nghĩa của luận văn**

Với công trình nghiên cứu này tác giả hi vọng nó sẽ được sử dụng như là một tài liệu cần thiết để nghiên cứu tìm hiểu và giảng dạy về những thách thức với Việt nam khi tham gia WTO nói chung cũng như những thách thức do cắt giảm thuế quan nói riêng.

### **7. Bố cục của Luận văn**

Ngoài lời mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn có kết cấu gồm 03 chương như sau:

*Chương 1:* Các quy định về thuế quan của WTO và các cam kết gia nhập của Việt Nam

*Chương 2:* Tình hình thực hiện các cam kết về cắt giảm thuế quan của Việt Nam sau khi gia nhập WTO

*Chương 3:* Những thách thức đối với việc thực hiện cam kết cắt giảm thuế quan của Việt Nam sau khi gia nhập WTO và các kiến nghị



# CHƯƠNG 1

## CÁC QUY ĐỊNH VỀ THUẾ QUAN CỦA WTO VÀ CAM KẾT GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM

### 1. Những khái niệm cơ bản về thuế quan của WTO

#### 1.1 Thuế quan và các phí khác

##### 1.1.1. Thuế quan

Thuế quan là thuế hải quan hoặc thuế xuất nhập khẩu là tên gọi chung để chỉ hai loại thuế trong lĩnh vực thương mại hàng hóa là thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu.

##### 1.1.2. Phí nội địa

Theo định nghĩa của GATT, thuế quan, tức thuế hải quan thông thường, khác với các thuế hay phí nội địa như thuế doanh thu, thuế tiêu thụ, hoặc thuế giá trị gia tăng. Các thuế hay phí trong nước cũng được phép đánh vào hàng nhập khẩu, với điều kiện là trị giá của thuế hoặc phí này không được vượt quá mức thuế đánh vào hàng hoá trong nước.

##### 1.1.3. Thuế và phí khác

Mức thuế hoặc phí được đưa vào trong danh mục của một nước sẽ bị ràng buộc là mức cao nhất và bất cứ thuế hoặc phí nào bị bỏ qua không đưa vào danh mục thì về sau sẽ không được đưa ra áp dụng.

#### 1.2. Các dạng thuế quan

##### 1.2.1. Thuế theo trị giá

##### 1.2.2. Thuế đặc định

##### 1.2.3. Thuế đặc định thay thế

##### 1.2.4. Thuế gộp

##### 1.2.5. Thuế tương đương tính theo trị giá (AVE)

#### 1.3. Hệ thống phân loại thuế quan

Việc sử dụng hệ thống chung về phân loại thuế quan mang lại nhiều thuận lợi cho nhiều nước. Các cuộc đàm phán thuế quan được đơn giản hoá và việc so sánh thuế quan giữa các nước trở nên dễ dàng hơn.

#### **1.4. Định giá hải quan**

GATT công nhận rằng những phương pháp khác nhau về định giá hàng hoá để thu thuế hải quan có thể làm ảnh hưởng tới tổng trị giá thuế phải trả và do đó ảnh hưởng tới giá trị của các ưu đãi thuế quan.

#### **1.5. Mục đích của thuế quan**

- Nguồn thu của chính phủ;
- Thúc đẩy phát triển kinh tế;
- Thúc đẩy các mục tiêu xã hội;
- Tạo cơ sở cho đàm phán thương mại.

#### **1.6. Ràng buộc thuế quan**

##### ***1.6.1. Thuế suất ràng buộc***

Thuế quan trong WTO bị ràng buộc theo quy định của các khoản mục tại Điều II của GATT. Tác dụng của Điều II là ở chỗ khi một thành viên đã đưa bất cứ thuế quan nào vào danh mục ưu đãi thì các thuế suất đó không được tăng lên nếu không đàm phán lại về các ưu đãi theo quy định tại Điều XXVII của GATT.

##### ***1.6.2. Thuế suất không ràng buộc***

Đối với các thành viên WTO, các thuế suất không đưa vào danh mục ưu đãi được gọi là không ràng buộc.

##### ***1.6.3. Cam kết trần***

Cam kết trần là thuế quan ràng buộc nằm ở trên thuế suất đang áp dụng. Cam kết trần sẽ không được công nhận nếu dòng thuế đã bị ràng buộc tại con số thấp hơn do quy định của các điều kiện gia nhập hoặc các cuộc đàm phán thương mại trước đó.

#### ***1.6.4. Thuế suất đang áp dụng***

Thuế đang áp dụng là thuế chính thức có hiệu lực tại một nước.

### **2. Đàm phán thuế quan**

#### **2.1. Các danh mục thuế quan**

- Quyền đàm phán ban đầu
- Đối xử tối huệ quốc
- Sửa đổi và rút bỏ các ưu đãi ràng buộc
- Các thủ tục tu chỉnh và sửa đổi

#### **2.2. Đàm phán thuế quan truyền thống**

##### ***2.2.1. Nguyên tắc cơ bản***

Các Bộ trưởng có thể thống nhất về những nguyên tắc chung để đặt ra các mục tiêu, về bất cứ phương thức đặc biệt nào có thể áp dụng và về thời gian diễn ra vòng đàm phán.

##### ***2.2.2. Tổ chức và thủ tục***

Các cuộc đàm phán thương mại theo phương pháp truyền thống có thể được coi như một tập hợp các cuộc đàm phán song phương mà kết quả là những ưu đãi được thực hiện trên cơ sở MFN.

##### ***2.2.3. Vai trò của các nước đang phát triển***

Các thành viên đều công nhận rằng các nước đang phát triển cần có cơ chế tiếp cận thông thoáng hơn đối với thị trường các nước công nghiệp. Trong số những tồn tại đã được xác định có những hàng rào lớn cản trở thương mại các sản phẩm nhiệt đới và hàng dệt may.

### **2.3. Đàm phán thuế quan hiện đại**

#### ***2.3.1. Phương pháp mới***

Từ Vòng Kennedy, các Bộ trưởng đã đồng ý rằng cần có một cách tiếp cận toàn diện hơn đối với các cuộc đàm phán thương mại.

Vòng Tokyo đưa ra mục tiêu chung là cắt giảm 1/3 thuế quan của các sản phẩm phi nông nghiệp.

### **2.3.2. Các nước đang phát triển**

Nội dung của Điều khoản cho phép quy định các nước phát triển không được đòi hỏi sự có đi có lại trong những cam kết ưu đãi họ dành cho các nước đang phát triển.

## **2.4. Đàm phán gia nhập**

Các cuộc đàm phán về thuế quan thường là phần cơ bản của quá trình gia nhập. Mục tiêu là đánh giá xem chế độ ngoại thương của nước xin gia nhập có phù hợp với các điều khoản của WTO hay không, và nếu không phù hợp thì sẽ phải đàm phán để có một phương thức tương ứng để tiến tới sự phù hợp.

## **2.5. Đàm phán lại các ưu đãi ràng buộc, tu chỉnh và rút bỏ**

Theo quy định của Điều XXVIII:1, nếu một bên muốn rút bỏ một ưu đãi thì phải tiến hành đàm phán với bất cứ bên nào đã đàm phán ban đầu về các ưu đãi; bên có lợi ích cung cấp chính - "nhà cung cấp chính"; bên có lợi ích cung cấp chủ yếu - "nhà cung cấp chủ yếu", như được xác định bởi các bên ký kết.

## **2.6. Tiếp cận song phương và nhiều bên trong đàm phán thuế quan đa phương**

### **2.6.1. Đàm phán nhiều bên**

Phương pháp tiếp cận này dựa trên việc công nhận hai yếu tố chính sau đây:

Cách tiếp cận nhiều bên đã mở rộng rất nhiều phạm vi của thương mại tự do các sản phẩm công nghiệp giữa các thành viên WTO. Có lẽ nếu tự do hoá thương mại vẫn là mục tiêu quan trọng của các nền

kinh tế thế giới trong thế kỷ sau thì thương mại tự do của nhiều loại hàng hoá sẽ trở thành quy tắc chứ không phải là ngoại lệ.

### **2.6.2. Đàm phán song phương**

Cho đến Vòng Kennedy, các cuộc đàm phán song phương vẫn là biện pháp truyền thống cho việc tiến hành các cuộc đàm phán về thuế quan.

Cơ sở của các cuộc đàm phán thuế quan song phương là quá trình chuẩn bị các danh mục yêu cầu và chào cam kết, trong những danh mục này có ghi cụ thể những ưu đãi cũng như chào cam kết.

### **2.7. Đàm phán thuế quan giữa các nước đang phát triển**

Cũng như việc công nhận các nước phát triển cần giúp đỡ các nước đang phát triển, GATT có điều khoản về thúc đẩy mở rộng thương mại ngay giữa các nước đang phát triển.

### **2.8. Sự khác nhau giữa biện pháp thuế quan và phi thuế quan khi đàm phán thuế quan gia nhập WTO**

*Thuế quan* là khoản thu do nhà nước đặt ra đối với hàng nhập khẩu và xuất khẩu khi hàng hóa đó làm thủ tục thông quan tại cửa khẩu hải quan hoặc đánh vào các khoản chuyển khoản để thanh toán hàng xuất nhập khẩu.

*Biện pháp phi thuế quan* được hiểu là tất cả các biện pháp không phải là thuế quan, các công cụ mang tính chất hành chính...

## **3. Các nguyên tắc Việt nam phải tuân thủ trong đàm phán thuế quan để gia nhập WTO và các mục tiêu cụ thể của Việt Nam khi đàm phán thuế quan**

### **3.1. Nguyên tắc không phân biệt đối xử**

### **3.2. Nguyên tắc tự do hóa thương mại thông qua đàm phán**

### **3.3. Nguyên tắc dễ dự đoán nhờ cam kết, ràng buộc, ổn định và minh bạch**

**3.4. Tạo ra môi trường cạnh tranh ngày càng bình đẳng hơn**

**3.5. Khuyến khích phát triển và cải cách kinh tế bằng cách dành ưu đãi hơn cho các nước kém phát triển nhất**

**3.6 Các mục tiêu cụ thể khi đàm phán cắt giảm thuế quan để gia nhập WTO của Việt Nam**

**4. Các cam kết về cắt giảm thuế quan của Việt nam khi gia nhập WTO**

**4.1. Cam kết thuế quan trong lĩnh vực nông nghiệp**

**4.1.1. Cam kết về thuế quan đối với sản phẩm lương thực**

Cam kết về cắt giảm thuế quan khi Việt Nam gia nhập WTO là cam kết quan trọng nhất đến sự định hướng các kế hoạch, các chính sách cho sự phát triển của ngành lương thực.

**Bảng 2 - Tóm tắt các cam kết thuế đối với sản phẩm lương thực theo WTO và các hiệp định thương mại khu vực**

Mã số HS	Sản phẩm	TS hiện hành (2007)	Cam kết WTO			AFTA	
			TS ban đầu	TS cuối cùng	Năm thực hiện	2006	2010
1006	Lúa gạo						
	Thóc giống	0	0			0	0
	Thóc khác	40	40			40	20
	Các loại gạo	40	40			5	5

**4.1.2. Cam kết về thuế quan đối với mặt hàng cây công nghiệp**

Mức độ cam kết mở cửa đối với các mặt hàng này chủ yếu thể hiện ở cam kết giảm thuế nhập khẩu tức là để hàng hóa nước ngoài tiếp cận thị trường Việt Nam dễ dàng hơn, tạo điều kiện cho nông dân được tiếp cận với các giống cây trồng có chất lượng và đạt năng suất cao. Cam kết về thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm cây công nghiệp này được thể hiện trong Bảng dưới đây.

**Bảng 3 – Biểu cam kết thuế quan về một số cây công nghiệp**

Mã số HS	Sản phẩm	TS hiện hành (2007)	Cam kết WTO			AFTA	
			TS ban đầu	TS cuối cùng	Năm thực hiện	2006	2010
	1 - Mía đường						
1701	Đường thô	30				30	5
1701	Đường tinh luyện	40				40	5

**4.1.3. Cam kết về thuế quan đối với sản phẩm chăn nuôi**

Cam kết với WTO là kim chỉ nam cho việc lập kế hoạch và chính sách cho sự phát triển của ngành chăn nuôi. Dưới đây là cam kết cắt giảm thuế quan đối với một số loại sản phẩm chăn nuôi điển hình.

**Bảng 4 – Biểu cam kết WTO về một số loại sản phẩm chăn nuôi**

Mã số HS	Sản phẩm	TS hiện hành (2007)	Cam kết WTO			AFTA		
			TS ban đầu	TS cuối cùng	Năm thực hiện	2006	2010	2010

01	Nhóm gia súc sống (trâu, bò, lợn)							
	Loại thương phẩm	5	5	-	-	0	0	5

Khác với một số ngành hàng trồng trọt phải chịu sức ép lớn hơn từ cam kết khu vực, ngành chăn nuôi sẽ chịu tác động mạnh nhất từ cam kết của WTO chứ không phải từ cam kết khu vực.

## 4.2. Cam kết thuế quan trong lĩnh vực công nghiệp

### 4.2.1 Cam kết về thuế quan đối với sản phẩm ngành giấy

Đối với ngành giấy, gia nhập WTO Việt Nam cam kết cắt giảm hoặc ràng buộc ở mức thuế suất hiện hành của khoảng 230 dòng thuế liên quan đến mặt hàng bột giấy và các sản phẩm giấy. Cụ thể: Cam kết cắt giảm thuế với khoảng 110 dòng thuế liên quan đến sản phẩm giấy; Ràng buộc ở mức thuế suất trần và không tăng thuế so với mức hiện hành đối với khoảng 120 dòng.

### 4.2.2 Cam kết về thuế quan đối với sản phẩm điện tử.

Việt Nam gia nhập WTO, thiết bị điện, điện tử là một trong số các nhóm mặt hàng có cam kết cắt giảm thuế nhiều nhất trong Biểu cam kết về thuế quan của Việt Nam trong khuôn khổ WTO, chúng ta cùng tìm hiểu thông qua biểu cam kết về thuế quan dưới đây.

**Bảng 8 - Cam kết cắt giảm thuế quan đối với các sản phẩm điện tử**

Stt	Chi tiêu	Thuế suất MFN	Thuế suất cam kết trong WTO		
			Khi	Cuối	Thời hạn thực



		trước gia nhập (%)	gia nhập( %)	cùng (%)	hiện (kể từ khi gia nhập)
1	Thuế suất bình quân cả Biểu thuế	17,4	17,2	13,4	
2	Thuế suất bình quân sản phẩm công nghiệp	16,7	16,2	12,4	

Bên cạnh việc cắt giảm chung, thuế suất đối với các sản phẩm điện tử còn bị ảnh hưởng đáng kể bởi việc tham gia Hiệp định công nghệ thông tin (ITA), một trong năm Hiệp định ngành của WTO mà Việt Nam cam kết tham gia đầy đủ. Đối với các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định ITA, mức thuế suất bình quân tại thời điểm gia nhập WTO là 5,2%.

#### 4.2.3 Cam kết WTO về thuế quan đối với hàng dệt may

Các Cam kết về cắt giảm thuế nhập khẩu đối với hàng dệt may (từng nhóm sản phẩm và trong so sánh với cam kết cắt giảm thuế quan đối với tất cả các mặt hàng) được tóm tắt trong Bảng sau đây:

**Bảng 11 - Cam kết của Việt Nam trong WTO về cắt giảm thuế quan đối với hàng dệt may**

Stt	Chỉ tiêu	Thuế suất MFN trước gia nhập (%)	Thuế suất cam kết trong WTO		
			Khi gia nhập	Cuối cùng	Thời hạn thực hiện
1	Thuế suất bình quân	17,4%	17,2%	13,4%	Cơ bản

	cả Biểu thuế				sau 3-5 năm
2	Thuế suất bình quân sản phẩm công nghiệp	16,7%	16,2%	12,4%	Cơ bản sau 3-5 năm

Với Biểu cam kết thuế quan đối với sản phẩm dệt may nói trên chúng ta có thể thấy một số điểm quan trọng đó là không có lộ trình cho việc cắt giảm, và mức cắt giảm thuế cao.

## CHƯƠNG 2

### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT VỀ CẮT GIẢM THUẾ QUAN CỦA VIỆT NAM SAU KHI GIA NHẬP WTO

#### 1. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan trong lĩnh vực nông nghiệp

##### 1.1. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan đối với sản phẩm lương thực

➤ Thị trường xuất khẩu được mở rộng với mức thuế quan MFN thấp và ổn định

➤ Thị trường trong nước tiếp tục ổn định

##### 1.2. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan đối với sản phẩm cây công nghiệp.

Việc trở thành thành viên của tổ chức thương mại lớn nhất thế giới WTO đã đem lại cho ngành Hồ tiêu của chúng ta rất nhiều lợi thế để cạnh tranh với các thị trường xuất khẩu hồ tiêu lớn trên thế giới. Dưới đây là số liệu xuất khẩu tính từ năm 2007 đến năm 2011.

**Bảng 14: Số liệu xuất khẩu hạt tiêu từ 2007 đến 2011**

Năm	Số lượng (Tấn)	Giá trị (Triệu USD)
2007	82.904	271
2008	89.000	309
2009	134.264	348,1
2010	116.861	421
2011	118.416	693

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ số liệu của Hiệp hội Hồ tiêu Việt Nam*

Như vậy chúng ta có thể thấy được mặt tích cực của việc cắt giảm thuế quan khi Việt Nam gia nhập WTO đối với ngành sản xuất và xuất khẩu hồ tiêu.

**Bảng 15: Cam kết cắt giảm thuế quan của mặt hàng Hạt tiêu từ năm 2007 - 2012**

0904				Hạt tiêu thuộc chi <i>Piper</i> ; các loại quả chi <i>Capsicum</i> hoặc chi <i>Pimenta</i> , khô, xay hoặc nghiền	Thuế xuất 2007	Thuế xuất 2008	Thuế xuất 2009	Thuế xuất 2010	Thuế xuất 2011	Thuế xuất 2012
				- Hạt tiêu:						
0904	11	10	00	--- Trắng	30	26	23	20	20	20
0904	11	20	00	--- Đen	30	26	23	20	20	20

*Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các Biểu thuế XNK từ năm 2007 đến 2012.*

Như số liệu tại bảng tổng kết thì có thể thấy rằng lộ trình cam kết cắt giảm thuế nhập khẩu đối với hạt tiêu từ năm 2007 (Năm đầu tiên Việt Nam gia nhập WTO) đến năm 2012 thì chúng ta đã phải giảm khoảng 33% mức thuế nhập khẩu từ 30% năm 2007 xuống còn 20% vào năm

2012.

### **1.3. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan đối với sản phẩm chăn nuôi.**

Theo cam kết, đến 2012 Việt Nam mới phải cắt giảm thuế nhập khẩu thịt bò xuống 14% nhưng Bộ Tài chính đã cắt giảm xuống còn 12%; thuế nhập khẩu thịt heo theo cam kết từ 25% xuống còn 20%; Thịt gà, vịt, ngan không bắt buộc cắt giảm nhưng thuế nhập khẩu cũng được giảm từ 40% xuống còn 12%; trứng gia cầm từ 80% giảm còn 20%..., việc cắt giảm thuế nhập khẩu đã giúp cho thực phẩm ngoại giá rẻ ò ạt nhập về Việt Nam.

## **2. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan trong lĩnh vực công nghiệp**

### **2.1. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan đối với sản phẩm ngành giấy**

Ngoài cam kết cắt giảm thuế quan theo lộ trình đã cam kết với WTO thì ngành giấy còn có các cam kết về thuế với các nước thành viên thông qua các hiệp định thương mại như CEPT, dưới đây là bảng so sánh giữa cam kết giảm thuế nhập khẩu trong CEPT và WTO của sản phẩm giấy Việt Nam.

**Bảng 19: Diễn biến thuế nhập khẩu giấy theo hiệp định CEPT và WTO**

<b>Năm</b>	<b>CEPT</b>	<b>Năm</b>	<b>WTO</b>
2007	5%-10%	02/2009	Giấy in báo: 29% Giấy in sách, viết: 29%
2008-2013	0%-3%	2012	20%

Theo hiệp định CEPT mức thuế nhập khẩu giấy vào Việt Nam hiện nay đang rất thấp từ 0%-3%. Theo cam kết WTO đến năm 2012 chúng ta sẽ phải giảm thuế nhập khẩu giấy xuống 20%, hiện nay đang ở

mức 29%. Thực tế cho thấy thuế nhập khẩu giảm tạo áp lực cạnh tranh lớn cho các doanh nghiệp sản xuất giấy. Năm 2008, thuế nhập khẩu giấy theo CEPT giảm từ 5% xuống 3% và theo cam kết WTO giảm từ 32% xuống còn 20%-25%.

## **2.2. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan đối với sản phẩm điện tử**

Gia nhập WTO ngành điện tử cũng cần phải chấp nhận cuộc chơi và học cách sống tự lập ở sân chơi mới. Vì vậy, việc bãi bỏ hàng loạt trợ cấp và ưu đãi của Chính phủ cho các doanh nghiệp điện tử khi gia nhập WTO tuy có những tác động nhất định tới các doanh nghiệp, song những tác động đó không quá lớn như đối với ngành dệt may, da giày...

## **2.3. Tình hình thực hiện các cam kết về thuế quan đối với hàng dệt may**

Có thể nói dệt may là một trong số ít ngành chịu nhiều ảnh hưởng nhất của các cam kết về cắt giảm thuế quan khi Việt Nam gia nhập WTO, điều đó còn được thể hiện ở việc phải thực hiện ngay việc cắt giảm thuế chứ không được thực hiện theo lộ trình kéo dài thông thường từ 3-5 năm như các mặt hàng khác. Mức giảm chung của ngành là 63%. Trong đó, cụ thể nhóm hàng xơ, sợi giảm thuế nhập khẩu từ 20% xuống còn 5%, nhóm hàng vải giảm từ 40% xuống còn 12%; quần áo, đồ may sẵn phải giảm từ 50% xuống 20%.

### CHƯƠNG 3

## NHỮNG THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN CAM KẾT CẮT GIẢM THUẾ QUAN CỦA VIỆT NAM SAU KHI GIA NHẬP WTO VÀ CÁC KIẾN NGHỊ

### 1. Những thành tựu đạt được và thách thức gặp phải trong thực hiện cam kết cắt giảm thuế quan

1.1. Những mặt tích cực đã đạt được trong quá trình thực hiện các cam kết về cắt giảm thuế quan

*Một*, trong thời gian qua, Việt Nam đã thực hiện hiệu quả và nghiêm túc lộ trình các cam kết, với WTO về thuế xét trên các khía cạnh tiến độ, nội dung và cách thức thực hiện cam kết với WTO.

*Hai*, đã phát huy tốt vai trò của thuế XNK là công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

*Ba*, đã uyển chuyển, linh hoạt trong sử dụng biểu thuế XNK định hướng cho việc đàm phán song phương và đa phương, thúc đẩy quan hệ thương mại khu vực và quốc tế..

*Bốn*, đã thực hiện các điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các sắc thuế nội địa khác theo lộ trình cam kết với WTO về thuế.

*Năm*, đã kịp thời xử lý phù hợp các tác động do thực hiện cam kết với WTO đến tiến độ, nội dung và phương pháp thực hiện cam kết với WTO về thuế.

1.2. Những thách thức gặp phải trong quá trình thực hiện cắt giảm thuế q

1.2.1. Tính chưa hợp lý của Biểu thuế suất thuế Xuất nhập khẩu

1.2.2. Mức chênh lệch về mức thuế suất áp dụng thực tế và mức cam kết trần với WTO, chênh lệch lớn giữa mức thuế suất cam kết với WTO so với các mức thuế suất cam kết theo các hiệp định khác.

1.2.3. Trong một số trường hợp bảo hộ cụ thể, các mức thuế suất chưa thực sự phù hợp

1.2.4 Đặt quá nhiều yêu cầu và mục tiêu cần đạt được chính sách thuế trong thực hiện các cam kết hội nhập.

1.2.5 Những thách thức đặt ra đối với các doanh nghiệp Việt Nam.

1.3. Nguyên nhân của các mặt tồn đọng khi thực hiện cắt giảm thuế quan

- Quan điểm về phát triển và bảo hộ chưa rõ ràng

- Sự tác động và ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính thế giới

- Công tác quản lý thuế còn chưa đạt yêu cầu của quá trình hội nhập.

- Năng lực xử lý chưa đạt yêu cầu trong việc thận trọng và linh hoạt vận dụng các cam kết WTO về thuế.

- Khuôn khổ pháp luật của Việt Nam đang trong thời kỳ chuyển đổi sang kinh tế thị trường còn chưa đồng bộ.

## **2. Những kiến nghị đối với quá trình thực hiện cam kết cắt giảm thuế quan của Việt nam sau khi gia nhập WTO**

2.1. Tiếp tục hoàn thiện thuế Xuất nhập khẩu theo lộ trình đã cam kết

2.2. Đổi mới các công cụ khác liên quan đến thuế XNK theo hướng giảm dần và minh bạch hóa

2.3. Cải tiến quy trình, chính sách thuế và các chính sách liên quan, bảo đảm các mục tiêu chính sách và đồng thuận trong thực hiện các cam kết với WTO về thuế.

2.4. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy cán bộ trong các cơ quan liên quan đến việc thực hiện cam kết cắt giảm thuế

2.5. Tăng cường các biện pháp hỗ trợ quá trình cắt giảm thuế quan

2.6. Kiến nghị đối với các doanh nghiệp.

## KẾT LUẬN

Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO đưa đến cho đất nước ta nhiều cơ hội cũng như thách thức trong việc thực hiện đường lối phát triển kinh tế độc lập, tự chủ và đẩy mạnh hội nhập. Trong quá trình thực hiện các cam kết với WTO về cắt giảm thuế quan, kể từ khi gia nhập, Việt Nam đã chủ động thực hiện các điều chỉnh về chính sách, đổi mới phương pháp và nội dung quản lý nền kinh tế đất nước, trong đó có chính sách thuế nhằm thực hiện và đạt được các mục tiêu phát triển đã đề ra. Trên cơ sở phân tích đánh giá kết quả quá trình thực hiện cam kết cắt giảm thuế quan của Việt Nam, đặc biệt các nội dung liên quan đến việc đánh giá các tác động do thực hiện các cam kết, Luận văn đã đưa ra các giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn các cam kết với WTO về thuế.

Nghiên cứu của Luận văn cho phép đi đến một số kết luận chính như sau:

1. Trong điều kiện của một nước đang phát triển, các mâu thuẫn thường xuyên nảy sinh trong việc xử lý các lợi ích khác nhau trong nền kinh tế. Đây cũng chính là biểu hiện của xung đột giữa xu hướng tự do hóa với xu hướng bảo hộ thương mại, giữa độc quyền và cạnh tranh, giữa lợi ích nhóm và lợi ích quốc gia...

2. Thực hiện một cách nghiêm túc, hiệu quả và tích cực các cam kết của Việt Nam với WTO về cắt giảm thuế quan sẽ góp phần tạo thế chủ động để Việt Nam hội nhập thành công vào nền kinh tế thế giới.

3. Đánh giá đúng về quá trình thực hiện các cam kết với WTO về cắt giảm thuế quan như những mặt tích cực đạt được, những mặt còn tồn đọng cũng như những tác động đối với Việt Nam có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc điều chỉnh việc thực hiện cam kết thuế tốt hơn.



4. Việc thực hiện các cam kết của Việt Nam với WTO về thuế cần được đặt trong bối cảnh Việt Nam thực hiện các cam kết khác về hội nhập khu vực và song phương.

5. Công tác tổ chức thực hiện cam kết WTO về cắt giảm thuế quan có vai trò quyết định đến thành công của quá trình thực hiện này.

6. Để thực hiện thành công các cam kết với WTO về thuế, Việt Nam cần thực hiện đồng bộ các chính sách và biện pháp cải cách sâu rộng về kinh tế.

Việc thực hiện thành công các cam kết hội nhập, trong đó có phần quan trọng là các cam kết về thuế sẽ chứng tỏ năng lực của Việt Nam trong hội nhập và cạnh tranh quốc tế. Đưa chúng ta trở thành nền kinh tế thị trường một cách đầy đủ và tạo được đà tăng tăng trưởng cao, ổn định, và bền vững cho nền kinh tế.